

Bản án số 05/2023/HS - ST  
Ngày 18 tháng 8 năm 2023

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH HÀ GIANG**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Bùi Văn Đàm**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Ly Việt Hùng**

2. Ông **Hoàng Minh Đức**

*- Thư ký phiên tòa:* Ông **Đặng Văn Tình** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Mạnh Cường** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023 tại Phòng xét xử trực tuyến Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2023/TLST-HS ngày 16 tháng 6 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Vừ Mí G** (tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 25/01/2004 tại: xã ST, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn SLA, xã ST, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; căn cước công dân số: 002204003796 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH - Bộ Công an cấp ngày 24/4/2023; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: **Vừ Mí D**, sinh năm: 1984 và bà: **Sùng Thị S**, sinh năm: 1983; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không.

Bị cáo bị bắt để tạm giam từ ngày 04/4/2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh Hà Giang. (Có mặt);

*- Người bào chữa cho bị cáo **Vừ Mí G**:* Bà **Hoàng Thị Ngọc Mai** - Trợ giúp viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang. (Có mặt);

*- Bị hại:* Anh **Vừ Mí C** - Sinh năm 1995; trú tại: Thôn SLA, xã ST, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. (Có mặt);

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh **Vàng Văn Ph** - Sinh năm 1987; trú tại: Thôn LXB, xã PC, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

2. Anh **Văn Tiến V** - Sinh năm 1994; trú tại: Thôn ĐK, xã SL, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

- *Người làm chứng*: 1. Chị **Ly Thị M** - Sinh ngày 1990; 2. Ông **Mua Sính Gi** - Sinh ngày 1965; 3. Anh **Mua Nhà T** - Sinh năm 1971; 4. Anh **Vàng Văn Th** - Sinh năm 1986 (Đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người phiên dịch*: Ông **Giàng Cồ Sính**; địa chỉ: Tổ 4, phường Minh Khai, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang. (Có mặt).

#### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 00 phút ngày 27/3/2023, Vũ Mí G điều khiển xe máy nhãn hiệu WAVE RS, biển kiểm soát 23B1- 487.44, màu sơn đỏ đen đi từ nhà xuống xã PC. Khi đi qua nhà anh Vàng Văn Ph thuộc thôn LXB, xã PC, huyện Đ, G nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, G quay lại để xe ở cạnh đường Quốc lộ 4C, rồi đi bộ đến trèo vào nhà anh Ph đến gian bán hàng tạp hóa trộm cắp được số tiền là 410.000 đồng.

Quá trình xác minh làm rõ sự việc, Vũ Mí G đã tự thú thêm về hành vi trộm cắp tài sản xảy ra ngày 21/3/2023 tại thôn SLA, xã ST, huyện Đ, tỉnh Hà Giang, cụ thể: Khoảng 14 giờ ngày 21/3/2023, G một mình đi bộ từ nhà đến nhà anh Vũ Mí C ở thôn SL, xã ST, huyện Đ. G quan sát thấy cửa chính khóa, không có người nên đã đi đến vị trí sát tường nhà phía bên phải có một lỗ hổng, được che bằng một tấm ván bằng gỗ, bên ngoài vách tường nhà được che một tấm bạt tại vị trí lỗ hổng đã bị rách từ trước. G dùng tay bê tấm ván gỗ chèn sang phía bên phải theo hướng từ ngoài vào trong nhà. Sau đó, G chui vào bên trong nhà rồi đi thẳng vào buồng ngủ. Đi đến chiếc giường ngủ, G dùng tay phải vén tấm vải che giường, nhấc chiếc gối ở đầu giường lên thì nhìn thấy có một tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng. G cầm tờ tiền lên cho vào túi quần. Sau đó, G nhìn thấy gần đầu giường, sát khe hở mà G vừa chui vào có một chiếc túi màu xanh, loại túi đeo ngang hông, được treo trên một sợi dây căng dọc theo tường nhà đến gần đầu giường ngủ. G mở túi ra thì nhìn thấy bên trong túi có một tập tiền mệnh giá 500.000 đồng. G không đếm mà dùng tay lấy số tiền từ trong túi để vào trong túi quần bên phải, sau đó G chui ra khỏi nhà theo lối cũ. G bê tấm gỗ đặt lại vị trí ban đầu để che chắn khe hở, rồi đi bộ về nhà. Khi đi gần đến đoạn đường bê tông liên thôn SLA - B, xã ST, G lấy số tiền vừa trộm cắp được ra đếm tổng cộng là 5.100.000 đồng, G cất số tiền trên vào túi rồi đi về nhà.

Đến ngày 21/3/2023, G dùng số tiền trên và rủ Vũ Mí X đi cùng đến xã SL mua một chiếc xe máy với giá 4.500.000 đồng của anh Mua Nhà T, xe đã cũ, không có giấy tờ đăng ký xe. Số tiền 600.000 đồng còn lại bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 01/4/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Hà Giang đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với Vũ Mí G về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự đối với hành vi trộm cắp số tiền là 5.100.000 đồng của anh Vũ Mí C ngày 21/3/2023.

Tại bản kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 12/KL-HĐĐG ngày 20/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết

luận đối với chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE RS; Màu sơn đỏ - đen - bạc, biển kiểm soát: 23B1-487.44 có giá trị là: 3.000.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo Vũ Mí G đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Từ căn cứ trên, Cáo trạng số 04/CT-VKSĐV ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang đã truy tố bị cáo Vũ Mí G về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Vũ Mí G phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm i, s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Mí G từ 06 đến 09 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo Vũ Mí G phải bồi thường thiệt hại 5.100.000 đồng cho anh Vũ Mí C. Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy toàn bộ các vật chứng không có giá trị sử dụng (01 chiếc áo khoác; 01 chiếc quần bò của bị cáo); tịch thu sung quỹ Nhà nước đối với tài sản do phạm tội mà có và công cụ phương tiện phạm tội (01 chiếc xe máy; 01 chiếc điện thoại); trả lại 01 chiếc túi đai đeo hông cho bị hại Vũ Mí C. Ngoài ra, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như đã nêu trong bản cáo trạng. Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại; lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng; biên bản xác định hiện trường; sơ đồ và bản ảnh hiện trường; biên bản thực nghiệm điều tra, sơ đồ và bản ảnh thực nghiệm điều tra; biên bản xác minh và các vật chứng, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Bị hại là anh Vũ Mí C có ý kiến: Anh yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền bị cáo đã trộm cắp là 5.100.000 đồng.

Quá trình điều tra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Văn Tiến V, Vàng Văn Ph không yêu cầu bị cáo bồi thường. Tại phiên tòa, anh Vàng Văn Ph và anh Văn Tiến V đều có đơn xin xét xử vắng mặt và đều không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại.

Bà Hoàng Thị Ngọc Mai - Trợ giúp viên pháp lý, bào chữa cho bị cáo Vũ Mí G có quan điểm: Nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt đã đề cập đối với bị cáo. Tuy nhiên, do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, thuộc đối tượng người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo ở mức án nhẹ

nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Về trách nhiệm dân sự và án phí và xử lý vật chứng: Nhất trí với quan điểm của Kiểm sát viên.

Bị hại nhất trí với luận tội của Kiểm sát viên về tội danh và các điều luật áp dụng, tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo từ 01 năm đến 02 năm tù, nghiêm khắc hơn mức Kiểm sát viên đề nghị mới đảm bảo tính răn đe.

Bị cáo nhất trí với lời với chữa của Trợ giúp viên pháp lý, không bổ sung lời bào chữa. Khi nói lời sau cùng, bị cáo ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được rằng quyền sở hữu tài sản của người khác được Nhà nước ghi nhận, pháp luật bảo vệ, ai xâm phạm sẽ bị pháp luật nghiêm trị. Tuy nhiên, chỉ vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên ngày 21/3/2023, bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp số tiền 5.100.000 đồng của anh Vừ Mí C. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do vậy, cần chấp nhận toàn bộ quan điểm luận tội của Kiểm sát viên và có cơ sở để kết luận: Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố đối với bị cáo Vừ Mí G về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định: *"Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

*... "*

[4] Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được Nhà nước ghi nhận, pháp luật bảo vệ. Do vậy, cần xử phạt bị cáo mức án đủ nghiêm, tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

[5] Về nhân thân, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Tuy nhiên, ngoài lần thực hiện hành vi phạm tội nêu trên, ngày 27/3/2023 bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp số tiền là 410.000 đồng của anh Vàng Văn Ph, trú tại thôn LXB, xã PC, huyện Đ, tỉnh Hà Giang, đến ngày 01/6/2023 Công an huyện Đ đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 08/QĐ-XPHC đối với Vũ Mí G bằng hình thức phạt tiền với số tiền là 2.500.000 đồng. Ngoài ra, trong quá trình bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, ngày 03/4/2023, bị cáo tiếp tục đột nhập vào nhà anh Văn Tiến Vương, trú tại thôn ĐK, xã SL, huyện Đ, tỉnh Hà Giang với mục đích trộm cắp tài sản thì phát hiện bắt giữ. Ngày 01/6/2023 Công an huyện Đ đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 09/QĐ-XPHC đối với hành vi xâm nhập nơi ở với mục đích trộm cắp tài sản, hình thức phạt tiền với số tiền là 2.500.000 đồng. Như vậy, chỉ trong thời gian ngắn sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo liên tục thực hiện 02 lần trộm cắp tài sản tiếp theo. Thậm chí, bị cáo vừa bị khởi tố bị can, cho tại ngoại lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp. Các hành vi này tuy chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự nhưng thể hiện sự coi thường, không có ý thức tuân thủ pháp luật.

[6] Tuy nhiên quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo còn tự thú về hành vi phạm tội của mình. Ngoài ra, bị cáo là người dân tộc thiểu số, nhận thức về pháp luật còn hạn chế, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Do vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm i, s, r khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Căn cứ vào nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trên cơ sở cân nhắc đầy đủ và toàn diện tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại trại giam trong một thời gian nhất định mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện, sống biết tuân thủ pháp luật. Tuy nhiên, mức hình phạt từ 01 đến 02 năm tù theo ý kiến của bị hại là quá cao. Hội đồng xét xử chấp nhận và quyết định mức hình phạt ở mức thấp nhất theo đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, như ý kiến của người bào chữa, do mức đề nghị như vậy là phù hợp, đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, đáp ứng yêu cầu của công cuộc đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

[8] Do bị cáo là đồng bào dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Đối với hành vi trộm cắp tài sản số tiền 410.000 đồng của anh Vàng Văn Ph chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, nên ngày 01/6/2023 Công an huyện Đ đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 08/QĐ-XPHC bằng hình thức phạt tiền với số tiền là 2.500.000 đồng. Trong thời gian áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, ngày 03/4/2023, Vũ Mí G tiếp tục thực hiện hành vi đột nhập vào gian hàng bán hoa

quả của anh Văn Tiến V, tại thôn ĐK, xã SL, huyện Đ, với mục đích trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, khi chưa trộm cắp được gì thì bị phát hiện bắt giữ. Ngày 01/6/2023, Công an huyện Đ đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 09/QĐ- XPHC đối với bị cáo bằng hình thức phạt tiền, mức phạt là 2.500.000 đồng. Xét thấy việc Công an huyện Đ xử lý về hành vi vi phạm pháp luật của bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Vũ Mí C yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 5.100.000 đồng bị cáo đã trộm cắp, xét thấy đây là yêu cầu chính đáng, có căn cứ và phù hợp với khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; khoản 1 Điều 585; Điều 589 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[11] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vàng Văn Ph, Văn Tiến V không có yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[12] Đối với số tiền 450.000 đồng đã thu giữ của bị cáo, có nguồn gốc từ việc bà nội bị cáo trả cho bị cáo khoản tiền 1.500.000 đồng đã vay trước đó nên là tài sản thuộc quyền sở hữu của bị cáo. Trong vụ án này, bị hại đang có yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 5.100.000 đồng bị cáo đã trộm cắp rồi tiêu xài hết. Việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ ra Quyết định xử lý vật chứng số: 03/QĐ-CQĐT trả lại cho ông Vũ Mí D (bố đẻ bị cáo) là chưa đảm bảo quyền lợi của bị hại. Lẽ ra, cần tạm giữ số tiền 450.000 đồng thuộc sở hữu của bị cáo để bảo đảm việc thi hành án.

[13] Đối với 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE RS biển kiểm soát: 23B1-487.44 (kèm theo chìa khóa xe, không có giấy tờ xe). Qua xác minh xác định được chiếc xe đứng tên anh Giàng Mí S (sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn TK, thị trấn PB, huyện Đ, tỉnh Hà Giang); ngày đăng ký xe 18/01/2019. Trong năm 2019, anh S bán lại xe cho ông Mua Sính Gi (sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn LCT, xã SL, huyện Đ) với giá 5.000.000 đồng, việc mua bán hai bên chỉ thỏa thuận miệng, không lập hợp đồng, chỉ giao xe, giấy đăng ký xe và nhận tiền. Quá trình sử dụng, ông Gi làm mất giấy đăng ký xe nhưng không làm lại. Đầu tháng 3/2023, ông Gi bán lại xe cho ông Mua Nhà T (sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn ĐK, xã SL, huyện Đ) với giá 3.000.000 đồng. Ông T đem về sửa chữa, đến ngày 21/3/2023 bán lại cho bị cáo với giá 4.500.000 đồng. Việc mua bán giữa các bên chỉ thỏa thuận miệng, không lập hợp đồng, chỉ giao xe và nhận tiền. Xét thấy chiếc xe là tài sản do bị cáo dùng tiền trộm cắp được để mua, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[14] Đối với 01 túi đai đeo hông bị cáo chiếm đoạt của anh Vũ Mí C, nay bị hại có yêu cầu được trả lại nên cần trả lại cho bị hại theo quy định tại khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[15] Đối với chiếc điện thoại di động của bị cáo dùng bật đèn để soi tìm tài sản trộm cắp cần tịch thu sung quỹ nhà nước; 01 chiếc áo khoác, 01 chiếc quần bò của bị cáo, qua sử dụng, đã cũ, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[16] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin được miễn án phí nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo.

[17] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Về tội danh:** Tuyên bố bị cáo **Vừ Mí G** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

**2. Hình phạt:** Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm i, s, r khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Vừ Mí G** 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt (ngày 04/4/2023).

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

**3. Về trách nhiệm dân sự:** Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; khoản 1 Điều 585; Điều 589 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo **Vừ Mí G** phải bồi thường cho anh **Vừ Mí C** (sinh năm 1995; trú tại: Thôn SLA, xã ST, huyện Đ, tỉnh Hà Giang) số tiền 5.100.000 đồng (Năm triệu một trăm nghìn đồng).

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

### **4. Về vật chứng:**

4.1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu sung quỹ Nhà nước:

- 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE RS; biển kiểm soát: 23B1-487.44; màu sơn đỏ - đen - bạc, phần nhựa chắn bùn bánh trước xe bị vỡ, hai bên yếm xe có nhiều vết nứt vỡ, xe có 01 gương chiếu hậu bên phải, xe đã cũ, đã qua sử dụng;

- 01 (một) chìa khóa xe mô tô màu đen;

4.2 Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu VIVO cũ, nắp lưng màu tím than, có in dán mã vạch và chữ nước ngoài, điện thoại có ốp nhựa bạc bên ngoài, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng, không tiến hành kiểm tra bên trong điện thoại;

- Tịch thu tiêu hủy: 01 áo khoác màu đen, cúc bấm, mặt trước bên trái in chữ K, hai bên tay áo màu trắng, mặt sau lưng áo khoác in dòng chữ KILLSYSTEM màu trắng đỏ, trên thân và hai bên tay áo có in nhiều họa tiết trang trí màu trắng, đỏ đen; 01 quần bò màu đen xám

4.3. Căn cứ vào khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, trả lại cho anh Vừ Mí C 01 túi đai đeo hông (loại túi đai đeo dụng cụ đồ nghề xây dựng) bằng vải, màu xanh lục, kích thước 75x20cm. Trên túi đai đeo hông được bố trí 02 túi hộp kích thước 20x15 cm và 02 túi hộp kích thước 15x10 cm.

*(Chi tiết vật chứng được mô tả trong Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản lập hồi 09 giờ 00 phút ngày 16/6/2023 giữa Công an huyện Đ và Chi cục Thi hành án huyện Đ)*

**5. Án phí:** Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo.

**6. Về quyền kháng cáo:** Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**7. Về điều kiện thi hành án:** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện Đ;
- CQCSĐT Công an huyện Đ;
- Hồ sơ nghiệp vụ Công an huyện Đ;
- Bị cáo; người bào chữa;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- CQTHAHS Công an tỉnh;
- CQTHAHS Công an huyện Đ;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Hồ sơ thahs;
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Văn Đàm**